

TÓM TẮT BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá XVIII
tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX

Đại hội lần thứ XIX của Đảng bộ tỉnh (năm 2020) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh của địa phương và cả nước đang bước vào một thời kỳ mới. Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ XIX có nhiệm vụ tổng kết kinh nghiệm lãnh đạo 5 năm vừa qua và đề ra chủ trương, nhiệm vụ lãnh đạo địa phương 5 năm tới. Phương châm chỉ đạo của Đảng bộ trong tình hình mới là: **Đoàn kết - dân chủ - cách mạng - phát triển**. Đại hội lần thứ XIX với chủ đề: **"Giương cao ngọn cờ cách mạng vẻ vang của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ tỉnh Bắc Giang đoàn kết một lòng cùng toàn dân vững bước tiến lên xây dựng quê hương Bắc Giang ngày càng giàu mạnh, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, công bằng và hạnh phúc"**.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ 5 NĂM THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ XVIII

Năm năm qua, trong bối cảnh tình hình chính trị và kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, đặc biệt đại dịch Covid-19 diễn biến trên toàn cầu làm cho kinh tế thế giới suy giảm mạnh, kinh tế trong nước những năm cuối nhiệm kỳ gặp khó khăn; song được sự quan tâm lãnh đạo của Trung ương, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang tiếp tục giữ vững truyền thống đoàn kết, năng động, đổi mới sáng tạo, thực hiện đạt kết quả toàn diện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII đề ra.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Lĩnh vực kinh tế

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân trên địa bàn đạt 14,6%/năm, thuộc nhóm các tỉnh có tốc độ tăng trưởng cao nhất cả nước, vượt xa mục tiêu Đại hội. Quy mô GRDP năm 2020 ước đạt trên 128 nghìn tỷ đồng, đứng thứ 16/63 tỉnh, thành cả nước. GRDP bình quân đầu người đạt 3.000 USD/người/năm, bằng bình quân chung cả nước, đạt mục tiêu Đại hội. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực: Công nghiệp - xây dựng chiếm 58,9%, tăng 15,3%; dịch vụ chiếm 25,9%, giảm 3,7%; nông - lâm nghiệp và thủy sản chiếm 15,2%, giảm 11,6% so với năm 2015.

1.1. Lĩnh vực công nghiệp - xây dựng tăng trưởng cao, công nghiệp ngày càng khẳng định là động lực chính cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 27%/năm, vượt xa mục tiêu Đại hội. Hiện tại, toàn tỉnh có 05 khu công nghiệp và 30 cụm công nghiệp, cơ bản đã lấp đầy diện tích. Thu hút đầu tư tăng mạnh, từ năm 2016 đến nay, đã thu hút được trên 6,7 tỷ USD vốn đầu tư quy đổi. Phát triển doanh nghiệp trên địa bàn đạt kết quả tích cực, bình quân mỗi năm thành lập mới trên 1.000 doanh nghiệp, lũy kế đến nay toàn tỉnh có trên 10.000 doanh nghiệp đăng ký thành lập. Lĩnh vực xây dựng phát triển tích cực. Công tác quản lý đầu tư xây dựng được tăng cường, chất lượng công trình xây dựng được nâng lên.

1.2. Lĩnh vực nông nghiệp tiếp tục phát triển toàn diện. Giá trị sản xuất bình quân trên 01 ha đất sản xuất nông nghiệp đạt 110 triệu đồng, đạt mục tiêu Đại hội. Đã xây dựng được 766 mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao; 56 sản phẩm nông sản chủ lực, đặc trưng và 40 sản phẩm đã được đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công

nghiệp. Tiếp tục duy trì vùng trồng cây ăn quả Lục Ngạn là một trong những vùng có quy mô lớn nhất cả nước. Chăn nuôi phát triển đa dạng cả chăn nuôi gia súc, gia cầm. Tổng đàn lợn đứng thứ 4, đàn gà đứng thứ 3 toàn quốc. Trồng rừng kinh tế phát triển mạnh, nhiều hộ đã làm giàu từ kinh tế rừng. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 38%, tăng 0,9% so với năm 2015.

Xây dựng nông thôn mới phát triển mạnh mẽ, đứng đầu vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Dự kiến đến hết năm 2020, toàn tỉnh có 124 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 67,4% tổng số xã trong tỉnh, vượt xa mục tiêu Đại hội; có 3/9 huyện (*Việt Yên, Lạng Giang và Tân Yên*) đạt huyện nông thôn mới trước kế hoạch.

1.3. Lĩnh vực dịch vụ tiếp tục phát triển đa dạng. Tốc độ tăng trưởng GRDP ngành dịch vụ bình quân đạt 7,1%/năm. Hệ thống bán lẻ phát triển rộng khắp đến các thôn, bản; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội năm 2020 đạt 32.800 tỷ đồng. Xuất khẩu tăng trưởng cao, năm 2020 giá trị xuất khẩu đạt 9,5 tỷ USD, vượt 46% mục tiêu Đại hội. Dịch vụ bưu chính, viễn thông, vận tải tiếp tục phát triển nhanh. Thương mại điện tử và các giao dịch, thanh toán điện tử ngày càng phát triển. Hệ thống dịch vụ tài chính, ngân hàng, tiền tệ cơ bản đáp ứng nhu cầu vốn của các doanh nghiệp. Các dịch vụ giáo dục, y tế, tư vấn pháp luật, bảo hiểm... tiếp tục phát triển phong phú, đa dạng. Du lịch từng bước phát triển, lượng khách du lịch đến tỉnh tăng mạnh, năm 2019 đón khoảng 02 triệu lượt khách, vượt mục tiêu Đại hội.

1.4. Thu, chi ngân sách được kiểm soát chặt chẽ. Tốc độ tăng thu ngân sách bình quân hằng năm 18,3%, năm 2020 đạt trên 12.000 tỷ đồng, gấp 2,3 lần mục tiêu Đại hội. Trong đó, tỷ trọng các khoản thu mang tính bền vững từ doanh nghiệp ngày càng tăng. Chi ngân sách bám sát dự toán, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng chế độ, chính sách; hạn chế và tiết kiệm tối đa các khoản chi hành chính, chi tổ chức sự kiện, xây dựng trụ sở, mua sắm ô tô, tài sản công... để tập trung ưu tiên cho đầu tư hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

1.5. Đô thị phát triển nhanh, diện mạo đô thị thay đổi rõ nét, ngày càng khang trang, hiện đại hơn. Trong nhiệm kỳ, tỉnh đã triển khai thực hiện 36 dự án khu đô thị, khu dân cư với tổng mức đầu tư khoảng 8.000 tỷ đồng. Toàn tỉnh hiện có 17 đô thị, trong đó thành phố Bắc Giang là đô thị loại II, thị trấn Thăng và thị trấn Chũ là đô thị loại IV, 14 đô thị loại V. Đến hết năm 2020, tỷ lệ dân số đô thị toàn tỉnh ước đạt 22,2%, đạt mục tiêu Đại hội.

1.6. Đầu tư trên địa bàn tăng khá. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội 5 năm đạt trên 230 nghìn tỷ đồng, đạt mục tiêu Đại hội. Đã tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông đi trước một bước để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển các lĩnh vực, như: Đường cao tốc Bắc Giang - Lạng Sơn, đường vành đai IV Hà Nội, ĐT293 và các tuyến nhánh vào Tây Yên Tử, cầu Đông Sơn và đường dẫn lên cầu,... Tăng cường đầu tư hệ thống giao thông nông thôn, chỉ trong hơn 02 năm (cuối năm 2017 và năm 2018, 2019) toàn tỉnh đã bê tông hóa theo tiêu chuẩn và quy chuẩn 4.231 km. Hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp được quan tâm đầu tư. Mạng lưới điện lực được đầu tư phát triển theo quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.7. Các thành phần kinh tế được quan tâm tạo điều kiện phát triển. Kinh tế tập thể từng bước đổi mới về mô hình và phương thức hoạt động. Kinh tế dân doanh phát triển nhanh về số lượng và đa dạng về cơ cấu ngành nghề. Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát triển mạnh. Các doanh nghiệp đã đóng góp tích cực vào việc giải quyết việc làm, nâng giá trị kim ngạch xuất khẩu, tăng thu ngân sách, thúc

đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.8. Công tác quản lý đất đai được tăng cường. Công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản được siết chặt hơn. Công tác bảo vệ môi trường được chỉ đạo quyết liệt; ý thức bảo vệ môi trường gắn với chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu của các cấp, các ngành và người dân từng bước được nâng lên.

2. Phát triển giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, xã hội

2.1. Chất lượng giáo dục toàn diện và kết quả thi học sinh giỏi quốc gia luôn duy trì trong nhóm 12 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước; hệ thống cơ sở vật chất trường, lớp học và các trang thiết bị phục vụ dạy và học được quan tâm đầu tư. Năm 2020, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 92,4%, tăng 8,4% so với năm 2015; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 93,2%, đạt mục tiêu Đại hội. Mạng lưới trường, lớp học các cấp và hệ thống các trung tâm giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề, cơ sở đào tạo nghề được rà soát, sắp xếp lại bảo đảm phù hợp với thực tế và nâng cao hiệu quả hoạt động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 là 70%, đạt mục tiêu Đại hội.

2.2. Đã chú trọng chỉ đạo triển khai ứng dụng khoa học và công nghệ trong tất cả các lĩnh vực, đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhiều sáng kiến, giải pháp công nghệ tiên tiến được ứng dụng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ người dân.

2.3. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế 100%; tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt 99%, tăng 25% so với năm 2015, vượt mục tiêu Đại hội; số giường bệnh/01 vạn dân đạt 27 giường, vượt mục tiêu Đại hội. Công tác y tế dự phòng và phòng, chống dịch bệnh, nhất là công tác phòng, chống dịch Covid-19 được thực hiện hiệu quả. Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi, thực hiện bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm chỉ đạo và đạt kết quả tích cực. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm từ 14,8% năm 2015 xuống dưới 12% năm 2020.

2.4. Văn hóa, thể thao, thông tin, truyền thông tiếp tục phát triển phong phú, đa dạng. Hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, rèn luyện sức khỏe của người dân được quan tâm đầu tư. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa được chú trọng. Phong trào thể dục, thể thao quần chúng tiếp tục phát triển rộng khắp; thể thao thành tích cao đạt kết quả tích cực, đứng đầu các tỉnh miền núi cả nước. Các hoạt động thông tin, truyền thông phát triển đa dạng; 100% các xã, phường, thị trấn được phủ sóng Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, sóng điện thoại di động (3G, 4G) và kết nối được Internet.

2.5. An sinh xã hội được nâng cao, đời sống nhân dân có sự thay đổi rõ rệt và thực chất, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh, đến nay chỉ còn 3,5%, giảm 10,43% so với năm 2015, bình quân giảm trên 2%/năm, vượt mục tiêu Đại hội; tỷ lệ tái nghèo hằng năm không quá 0,6%, thấp hơn so với bình quân cả nước. Kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số tiếp tục có bước phát triển, đời sống của người dân từng bước được cải thiện. Tỷ lệ hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn giảm bình quân trên 7%/năm, vượt mục tiêu Đại hội; tỷ lệ hộ nghèo ở 36 thôn, bản đặc biệt khó khăn nhất tỉnh giảm bình quân 4,5%/năm, vượt mục tiêu Đại hội.

3. Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại

3.1. Công tác quốc phòng, an ninh tiếp tục được tăng cường, củng cố ngày càng

vững chắc; bảo đảm sẵn sàng chiến đấu cao, không dễ bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Đã tập trung cao đấu tranh ngăn chặn, xử lý các loại tội phạm, không để hình thành các băng, ổ nhóm tội phạm, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

3.2. Công tác nội chính, cải cách tư pháp, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện nghiêm túc, nề nếp. Hầu hết các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh được xem xét, giải quyết kịp thời. Các cơ quan tư pháp hoạt động bảo đảm đúng quan điểm, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án được nâng lên.

3.3. Các hoạt động đối ngoại, quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa tỉnh Bắc Giang với các đối tác trong và ngoài nước, các cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế tại Việt Nam ngày càng mở rộng.

4. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

4.1. Thường xuyên quan tâm làm tốt công tác giáo dục lý luận chính trị, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước tới cán bộ, đảng viên. Kịp thời định hướng và chỉ đạo có hiệu quả công tác tuyên truyền, tạo sự đồng thuận trong Đảng và các tầng lớp nhân dân. Quan tâm tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận. Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Công tác tổ chức xây dựng Đảng đạt kết quả tích cực. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên được nâng lên. Công tác kết nạp đảng viên mới được quan tâm nâng cao chất lượng. Công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên được tăng cường. Nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ có nhiều đổi mới. Việc bổ nhiệm cán bộ và giới thiệu cán bộ ứng cử được tiến hành dân chủ, công khai, bảo đảm tiêu chuẩn và quy trình. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ và thực hiện chính sách đối với cán bộ được quan tâm. Chủ trương sắp xếp, tinh giản bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6, 7 khóa XII được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, hiệu quả.

Công tác kiểm tra, giám sát được duy trì nề nếp. Việc thi hành kỷ luật trong Đảng được thực hiện kịp thời, nghiêm minh. Ủy ban kiểm tra các cấp đã tăng cường kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm; giải quyết kịp thời các tố cáo, khiếu nại kỷ luật trong Đảng.

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí có chuyển biến tích cực. Đã tăng cường chỉ đạo thực hiện các giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí trên tất cả các lĩnh vực, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tham nhũng, lãng phí. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, điều tra, truy tố và xử lý nghiêm minh, kịp thời, đúng pháp luật đối với các hành vi tham nhũng.

Công tác dân vận được quan tâm. Đã chỉ đạo thực hiện tốt Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị. Phong trào thi đua "Dân vận khéo", xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình "Dân vận khéo" trên các lĩnh vực được đẩy mạnh thực hiện, đạt kết quả tích cực. Công tác dân vận chính quyền được tăng cường. Việc tổ chức tiếp xúc, đối thoại của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, các đồng chí cấp ủy viên với nhân dân được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả.

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII được triển khai thực hiện kịp

thời, nghiêm túc. Qua đó đã góp phần ngăn chặn tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên; nâng cao tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong thực thi nhiệm vụ, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với các cấp ủy đảng, chính quyền.

Phương thức, lề lối làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng có nhiều đổi mới theo hướng sâu sát, cụ thể, quyết liệt, trọng tâm, trọng điểm và hiệu quả. Các đồng chí cấp ủy viên đã dành thời gian đi cơ sở kiểm tra công việc, nắm tình hình, tiếp xúc với nhân dân, kịp thời phát hiện, đôn đốc những việc chậm giải quyết, đồng thời lựa chọn một số vấn đề nổi lên của địa phương đề xuất chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo. Thường xuyên quan tâm sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo; rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định và các chủ trương, nghị quyết của cấp ủy bảo đảm phù hợp với thực tế.

4.2. Thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có trình độ, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Hoạt động của HĐND các cấp có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động. Công tác quản lý, điều hành của UBND các cấp, các cơ quan nhà nước chủ động, quyết liệt hơn. Mối quan hệ công tác giữa hội đồng nhân dân với ủy ban nhân dân ngày càng chặt chẽ, tạo sự đồng thuận, thống nhất trong hoạt động. Công tác cải cách thủ tục hành chính, hiện đại hóa nền hành chính, chất lượng đội ngũ cán bộ và dịch vụ công có chuyển biến tích cực. Tổ chức bộ máy chính quyền các cấp từng bước được sắp xếp tinh gọn, hiệu quả. Đã sắp xếp, sáp nhập 40 xã để thành lập 19 xã, thị trấn (giảm 21 xã); sáp nhập 679 thôn, tổ dân phố để thành lập 362 thôn, tổ dân phố mới; sắp xếp lại 1.155 đơn vị sự nghiệp công lập; tinh giản 1.452 công chức, viên chức nhà nước và giảm 1.206 cán bộ không chuyên trách ở cơ sở; hơn 1.000 viên chức không hưởng lương trực tiếp từ ngân sách nhà nước. Hoạt động thanh tra công vụ được đẩy mạnh, kỷ luật hành chính được tăng cường.

4.3. Thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo đồng thuận xã hội thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã quan tâm đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng mạnh các hoạt động về cơ sở; chủ động nắm tình hình, phối hợp với chính quyền giải quyết kịp thời nhiều vụ việc phức tạp phát sinh từ cơ sở. Các hội quần chúng hoạt động theo đúng quy định của pháp luật, tôn chỉ, mục đích của các hội và có nhiều hoạt động thiết thực, hiệu quả, đóng góp tích cực vào việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

II. HẠN CHẾ, KHUYẾT ĐIỂM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế, khuyết điểm

1.1. Kinh tế tăng trưởng cao, song chất lượng tăng trưởng cải thiện chậm; năng suất lao động còn thấp. Sản xuất công nghiệp phụ thuộc nhiều vào khu vực FDI. Chất lượng các dự án thu hút đầu tư chưa cao. Phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã còn hạn chế. Sản xuất nông nghiệp đa phần quy mô nhỏ. Dịch vụ phát triển chậm. Thu ngân sách chưa bền vững. Công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch các ngành, lĩnh vực còn thiếu đồng bộ. Quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, xây dựng, môi trường chưa chặt chẽ. Quản lý các dự án đầu tư còn yếu. Công tác quản lý đô thị còn hạn chế, tình trạng xây dựng sai phép còn diễn ra ở một số nơi.

1.2. Chất lượng một số hoạt động giáo dục, y tế, văn hóa xã hội cải thiện còn

chậm. Chất lượng giáo dục còn chênh lệch giữa các vùng, miền. Đào tạo nghề chưa đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động. Hoạt động nghiên cứu khoa học chưa hiệu quả; ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống chưa nhiều. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế tại nhiều cơ sở y tế còn thiếu; chất lượng dịch vụ y tế tại nhiều bệnh viện chưa cao. Hạ tầng văn hóa, xã hội, nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp còn thiếu. Đời sống của công nhân trong các khu công nghiệp và đời sống của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số miền núi còn nhiều khó khăn.

1.3. Công tác quốc phòng, an ninh còn có mặt hạn chế. Một số địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng khu vực phòng thủ. Tội phạm trộm cắp, ma túy, đánh bạc, cố ý gây thương tích, tội phạm liên quan đến tín dụng đen, giết người do nguyên nhân xã hội, tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp. Tai nạn giao thông còn ở mức cao. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo ở một số nơi còn chậm, chất lượng thấp. Công tác điều tra, truy tố, xét xử trên một số mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu.

1.4. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí chưa thực sự đi vào chiều sâu; việc phát hiện, xử lý tội phạm tham nhũng chưa phản ánh hết thực trạng tình hình tham nhũng, tiêu cực xảy ra. Tình trạng nhũng nhiễu trong thực hiện nhiệm vụ và lãng phí vẫn xảy ra trên nhiều lĩnh vực.

1.5. Công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của chính quyền các cấp có mặt còn hạn chế. Chất lượng hoạt động thẩm tra, giám sát của hội đồng nhân dân của một số huyện, xã chưa cao. Hiệu lực chỉ đạo, điều hành của chính quyền trên một số mặt chưa đáp ứng yêu cầu. Quản lý nhà nước trên một số mặt còn lỏng lẻo, sơ hở. Kỷ luật hành chính ở một số nơi chưa nghiêm.

1.6. Một số hoạt động của mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn hình thức; công tác giám sát, phản biện trong việc thực thi chính sách, pháp luật của cơ quan nhà nước chưa đáp ứng với yêu cầu thực tế đòi hỏi.

1.7. Nhận thức của một bộ phận cán bộ, đảng viên về các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước chưa đầy đủ, chưa toàn diện. Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khóa XII đã đạt được kết quả bước đầu, song chưa toàn diện. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của một số cấp ủy, tổ chức đảng yếu. Trong công tác cán bộ, đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu. Chất lượng một số cuộc kiểm tra, giám sát còn hạn chế. Công tác dân vận ở một số việc, một số nơi chưa hiệu quả. Lề lối làm việc của một số cấp ủy đảng chậm đổi mới.

2. Nguyên nhân những hạn chế, khuyết điểm

2.1. Nguyên nhân khách quan: Kinh tế thế giới có nhiều biến động và tăng trưởng chậm; kinh tế trong nước còn khó khăn. Cạnh tranh quốc tế, cạnh tranh doanh nghiệp ngày càng quyết liệt. Một số cơ chế, chính sách của Nhà nước ban hành chưa kịp thời, còn chồng chéo, thiếu tính ổn định; những tác động từ mặt trái của kinh tế thị trường, từ quá trình hội nhập quốc tế ngày càng phức tạp. Xuất phát điểm kinh tế của tỉnh còn thấp.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Tư duy, tầm nhìn trong lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương còn chậm so với xu thế phát triển và hội nhập của nền kinh tế; công tác nghiên cứu, dự báo chưa tốt; công tác xây dựng quy hoạch thiếu đồng bộ và tầm nhìn chiến lược; một số chủ trương, chính sách địa phương còn thiếu năng động, chưa kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Việc cụ thể hóa triển khai thực hiện nghị quyết, chỉ thị và cơ chế, chính sách của Trung ương vào thực tế còn thiếu sáng tạo. Tổ chức thực hiện thiếu nhạy bén, năng động, chưa phát huy được sức mạnh của các thành phần kinh tế. Môi trường đầu tư kinh doanh dù đã được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, nhưng năng lực cạnh tranh cấp tỉnh chậm được cải thiện, nhất là cải cách thủ tục hành chính.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nêu cao tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ; năng lực, trình độ, phẩm chất đạo đức yếu kém.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm năm qua, trong bối cảnh có nhiều thuận lợi nhưng cũng không ít khó khăn, thách thức; song Đảng bộ tỉnh đã tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, lãnh đạo và triển khai thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức 15/15 chỉ tiêu Đại hội. Tăng trưởng kinh tế nằm trong nhóm các tỉnh dẫn đầu cả nước; thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp có nhiều khởi sắc; công nghiệp phát triển nhanh; nông nghiệp phát triển toàn diện; xây dựng nông thôn mới đạt kết quả tích cực; dịch vụ phát triển đa dạng; các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội tiếp tục có nhiều chuyển biến tiến bộ, nhiều lĩnh vực duy trì thứ hạng top đầu khu vực và cả nước; năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các cấp ủy, tổ chức đảng tiếp tục được nâng lên; hiệu lực quản lý, điều hành của chính quyền được tăng cường. Công tác quốc phòng, an ninh được bảo đảm; đời sống của nhân dân được cải thiện. Vị thế tỉnh Bắc Giang ngày càng nâng cao.

Tuy nhiên, trình độ công nghệ và năng suất lao động của nền kinh tế còn thấp; chất lượng tăng trưởng kinh tế chưa cao; số doanh nghiệp có đóng góp nhiều cho ngân sách còn ít; tăng thu ngân sách chưa bền vững; sản xuất nông nghiệp vẫn nhỏ lẻ, phân tán; dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng của tỉnh; chất lượng giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, xã hội trên một số mặt chưa cao; tội phạm, tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp; công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trên một số mặt chưa đáp ứng tốt yêu cầu nhiệm vụ; đời sống của một bộ phận công nhân và đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

Một là: Phải luôn kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng; nắm chắc các quan điểm, chủ trương, định hướng của Trung ương, đồng thời sâu sát thực tế, trên cơ sở đó vận dụng linh hoạt, sáng tạo và mạnh dạn đề ra các chủ trương, quyết sách phù hợp, hiệu quả. Trong lãnh đạo, chỉ đạo phải có khát vọng, có tinh thần vươn lên, đổi mới sáng tạo, luôn nêu cao ý chí quyết tâm đưa Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện, vững chắc. Trong chỉ đạo, điều hành vừa phải kiên trì theo đuổi mục tiêu, vừa phải linh hoạt, sáng tạo để bảo đảm phù hợp với sự phát triển của thực tiễn.

Hai là: Xây dựng đoàn kết thống nhất, dân chủ thật sự trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân; củng cố, bồi đắp mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân; mọi chủ trương lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh đều phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân; sâu sát nhân dân, lắng nghe tâm tư, nguyện vọng chính đáng của nhân dân để chuyển thành chủ trương chỉ đạo sát, đúng. Luôn xác định sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân.

Ba là: Phải luôn quan tâm công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; quan tâm lựa chọn đội ngũ cán bộ lãnh đạo đủ đức và tài, nhất là người đứng đầu các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương phải có bản lĩnh, trí tuệ, gương mẫu, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, năng động sáng tạo và có khát vọng đưa quê hương phát triển mạnh mẽ hơn nữa. Giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương của Đảng, kiên quyết xử lý những cán bộ, đảng viên vi phạm, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP NHIỆM KỲ 2020-2025

I. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Phát triển toàn diện các ngành kinh tế: Công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, trong đó công nghiệp là động lực chủ yếu, nông nghiệp làm nền tảng bảo đảm, dịch vụ làm điều kiện thúc đẩy. Phát triển đồng bộ và hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội và môi trường; đồng bộ và hài hòa giữa thành thị với nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi. Phát triển vì mục tiêu con người, lấy chỉ số phát triển con người là thước đo đối với các chỉ số phát triển địa phương.

2. Tổ chức cơ cấu lại các ngành nghề kinh tế tham gia vào sự tăng trưởng chung của kinh tế địa phương theo thứ tự quy mô: Công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp. Tăng trưởng kinh tế nhanh, đồng thời bảo đảm điều kiện để không ngừng hỗ trợ cho bảo vệ và phục hồi môi trường sinh thái. Sử dụng hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả đất đai, tài nguyên nước, rừng và khoáng sản,...

3. Phát triển địa phương dựa trên nền tảng, động lực cơ bản: Tri thức và văn hóa tinh thần. Phát triển toàn diện giáo dục, đào tạo một cách cơ bản từ cơ sở mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp, dạy nghề, bảo đảm cho trẻ em có đầy đủ điều kiện cơ bản được học tập và phát triển. Giáo dục một cách toàn diện cả: Đức, trí, thể, mỹ dựa theo cách giáo dục mới hiện đại, khoa học.

4. Cùng với văn hóa và đạo đức, trước hết trong tổ chức và quản lý xã hội cần tăng cường đề cao sự tuân thủ pháp luật, củng cố và tinh gọn tổ chức bộ máy nhà nước, nâng cao chất lượng và hiệu quả trong quản lý và điều hành theo pháp luật của cơ quan nhà nước cũng như đội ngũ cán bộ, công chức và viên chức. Bảo đảm sự chấp hành và công bằng trước pháp luật của mọi tổ chức và người dân. Phát huy cao độ quyền dân chủ nhân dân trên tất cả các mặt của đời sống xã hội.

5. Thường xuyên củng cố và tăng cường xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh. Xây dựng và củng cố khu vực phòng thủ, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân ngày càng vững chắc. Chủ động phòng ngừa và đấu tranh kiên quyết với các loại tội phạm. Xây dựng địa phương có môi trường an ninh an toàn, tạo niềm tin trong nhân dân cũng như môi trường đầu tư và kinh doanh cho các thành phần kinh tế trong và ngoài nước.

6. Xây dựng Đảng bộ không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng đảng viên. Đảng viên của Đảng bộ phải được thường xuyên giáo dục, rèn luyện về tư tưởng và đạo đức, đồng thời cũng kiên quyết sàng lọc đưa ra khỏi Đảng những đảng viên suy thoái, mất uy tín, mất vai trò lãnh đạo. Bảo đảm vai trò lãnh đạo tuyệt đối và toàn diện của Đảng trên các mặt của đời sống xã hội. Đảng bộ tiếp tục nghiên cứu, tổng kết để hoàn thiện phương thức lãnh đạo của Đảng, các cấp ủy đảng đối với chính quyền, MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội. Lãnh đạo xây dựng, sắp xếp tổ chức bộ máy trong hệ thống chính trị thật sự tinh gọn, rõ chức năng, nhiệm vụ, không trùng chéo, xây dựng Đảng bộ vì một mục tiêu phát triển toàn diện của địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh, làm hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị và nhân dân nhằm phát huy mọi tiềm năng, lợi thế của địa phương, sức mạnh tổng hợp của nhân dân, đưa Bắc Giang phát triển nhanh, toàn diện, vững chắc; có tốc độ tăng trưởng kinh tế nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước; kết cấu hạ

tầng phát triển đồng bộ, trọng tâm là hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện thuộc nhóm tiên tiến của cả nước. Các tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị bảo đảm tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Khối đại đoàn kết toàn dân được củng cố vững chắc, quyền làm chủ của nhân dân được phát huy cao độ, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt. Bảo đảm giữ vững quốc phòng, an ninh, tạo môi trường ổn định để phát triển. Phần đầu Bắc Giang nằm trong nhóm 15 tỉnh đứng đầu cả nước về quy mô GRDP; thu nhập bình quân đầu người (GRDP/người/năm) cao hơn bình quân cả nước. Vị thế, hình ảnh tỉnh Bắc Giang tiếp tục được khẳng định ở tầm cao mới.

2. Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2025: (1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân hàng năm 15%/ năm. Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng 69,3%; Dịch vụ 21,7%; Nông, lâm nghiệp, thủy sản 9%. (2) Thu nhập bình quân đầu người (GRDP/người/năm): 5.500-6.000 USD. (3) Thu ngân sách trên địa bàn năm 2025: 15.000 tỷ đồng. (4) Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 đạt 555 nghìn tỷ đồng. (5) Số giường bệnh/vạn dân (không tính trạm y tế cấp xã) đạt 30,2 giường. Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế đạt trên 99% dân số. Tuổi thọ của người dân trung bình đạt 75 tuổi. (6) Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh năm 2025 còn 1,0%; trong đó các xã đặc biệt khó khăn còn 12,6%. (7) Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 80%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo 25,1%. (8) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 đạt 95%, mức độ 2 đạt 21,4%. Chất lượng giáo dục toàn diện nâng lên, nằm trong nhóm tỉnh dẫn đầu cả nước. (9) Tỷ lệ chất thải rắn thu gom được xử lý hợp vệ sinh đạt 85% (*thành thị 96%, nông thôn 75%*); tỷ lệ khu, cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường 100%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%. Tỷ lệ dân số được dùng nước sạch (đạt tiêu chuẩn QCVN02 trở lên) đạt 82,7% (*trong đó tỷ lệ dân số thành thị được dùng nước sạch đạt 94,8%; tỷ lệ dân số nông thôn dùng nước đạt tiêu chuẩn QCVN02 trên 80%*). (10) Tỷ lệ dân số đô thị đạt 32,4%. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2025 đạt 84,8%, có 06 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; tỷ lệ phường, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị đạt 85%. Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân đa dạng, phong phú; 90% xã có đầy đủ các thiết chế văn hóa, thể thao cấp thôn, cấp xã. (11) Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 90%. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên đạt 84%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế

1.1. Phát triển nhanh công nghiệp - xây dựng với tốc độ cao, lấy công nghiệp làm trụ cột, động lực chính thúc đẩy tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển các lĩnh vực khác.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần xây dựng môi trường thuận lợi cho đầu tư và kinh doanh, xây dựng các cơ chế hỗ trợ, khuyến khích đầu tư, nhất là hạ tầng kỹ thuật, cải cách hành chính, hạ tầng kết nối. Hoàn thiện Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050. Chủ động chuẩn bị tốt điều kiện về đất đai, mặt bằng với hạ tầng đồng bộ để thu hút các dự án đầu tư lớn, có tiềm năng. Có cơ chế ưu tiên, ưu đãi các nhà đầu tư chiến lược, tập đoàn kinh tế lớn đầu tư lâu dài trên địa bàn. Đổi mới chính sách thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài trong lĩnh vực công nghiệp từ số lượng sang chất lượng. Đẩy mạnh phát triển tiêu thụ công nghiệp và ngành nghề truyền thống tạo nên tính đa dạng của sản phẩm công nghiệp địa phương.

1.2. Xây dựng nền nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, dựa trên nền tảng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch. Đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, phát triển toàn diện nông thôn.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần rà soát, bổ sung, xây dựng các quy hoạch, kế hoạch chiến lược phát triển nông nghiệp. Có cơ chế, chính sách để tăng cường tích tụ ruộng đất, gắn với tổ chức lại sản xuất, đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật canh tác. Đẩy mạnh xây dựng các cánh đồng mẫu, các mô hình kinh tế trang trại sản xuất tập trung, quy mô lớn có liên kết theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ. Tập trung phát triển nhóm sản phẩm chủ lực và sản phẩm đặc sản của tỉnh. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Tập trung chăn nuôi thủy sản vào một số loài có giá trị, hiệu quả kinh tế cao. Có cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Huy động linh hoạt, sáng tạo các nguồn lực xã hội để đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới.

1.3. Phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ với chất lượng cao. Hình thành một số khu du lịch, dịch vụ tổng hợp cấp tỉnh, hạ tầng dịch vụ, du lịch ở thành phố Bắc Giang và trung tâm các huyện.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần tiến hành quy hoạch và tạo điều kiện thu hút đầu tư xây hạ tầng thương mại, du lịch, vận tải, kho bãi, tài chính, ngân hàng, viễn thông đồng bộ, hiện đại. Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ. Tiếp tục đầu tư các trung tâm thương mại, siêu thị, hệ thống chợ nông thôn, chuỗi bán buôn, bán lẻ. Khuyến khích doanh nghiệp mở rộng kinh doanh dịch vụ đến vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi và vùng còn nhiều khó khăn.

1.4. Giữ nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách. Quản lý chặt chẽ, thực hiện hiệu quả thu ngân sách nhà nước; phân đầu hằng năm thu vượt dự toán giao, từng bước tiến tới tự cân đối thu chi thường xuyên của tỉnh.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần thực hiện quyết liệt các biện pháp thu, bảo đảm thu đúng, thu đủ, kịp thời các nguồn thu. Có chiến lược, chính sách thu hút, tạo nguồn thu bền vững, lâu dài từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đất đai. Từng bước cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, gắn với đẩy mạnh thực hiện tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập. Tăng cường thanh tra, kiểm tra chống thất thu, nợ đọng thuế, chuyển giá, quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước.

1.5. Xây dựng các đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại theo các quy hoạch đã được phê duyệt, làm trung tâm dẫn dắt sự phát triển của các tiểu vùng. Hoàn thiện các tiêu chí hướng đến đô thị loại I đối với thành phố Bắc Giang; tập trung xây dựng huyện Việt Yên đạt các tiêu chí của đô thị loại IV; nâng cấp thị trấn Thăng, thị trấn Chũ hướng tới các tiêu chí đô thị loại III.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch phát triển đô thị. Thực hiện nghiêm việc kiểm tra, quản lý hoạt động xây dựng. Tiếp tục rà soát, thực hiện điều chỉnh, mở rộng địa giới hành chính một số thị trấn để phát triển đô thị. Xây dựng các cơ chế và ban hành chính sách để thu hút đầu tư các khu đô thị, khu dân cư mới.

1.6. Thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Phát triển đa dạng các thành phần kinh tế; xây dựng đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân cả về số lượng và chất lượng.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần thực hiện quyết liệt hơn nữa cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp hệ thống kết cấu hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư. Quan tâm hỗ trợ đào tạo cán bộ quản lý, đào tạo lao động; hỗ trợ tiếp cận vốn, đất đai, thị trường cho các thành phần kinh tế. Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển.

1.7. Quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên trên địa bàn. Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó biến đổi khí hậu, góp phần phát triển bền vững; bảo đảm sự hài hoà giữa môi trường tự nhiên với môi trường xã hội ở các khu công nghiệp, đô thị, dân cư.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần sớm hoàn thành xây dựng quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất và hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai, công tác đo đạc bản đồ địa chính toàn tỉnh. Sử dụng tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên, khoáng sản. Bảo vệ, sử dụng bền vững nguồn tài nguyên nước. Tập trung quyết liệt giải quyết hiệu quả vấn đề ô nhiễm môi trường, thu gom, xử lý triệt để rác thải ra môi trường. Quan tâm lựa chọn công nghệ sạch, thân thiện môi trường trong chấp thuận các dự án đầu tư.

1.8. Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo hướng bền vững. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, lao động, việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân trong vùng, thu hẹp khoảng cách về trình độ phát triển giữa các dân tộc và giữa các vùng trong tỉnh.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần ưu tiên nguồn lực từ ngân sách đầu tư cho vùng dân tộc và miền núi gắn với đẩy mạnh xã hội hoá. Rà soát, quy hoạch lại sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt vùng dân tộc và miền núi phù hợp với từng xã, thôn, bản. Nghiên cứu có chính sách của tỉnh để phát triển nhanh và bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trọng tâm là chính sách giảm nghèo, khuyến khích đồng bào dân tộc vươn lên làm giàu.

2. Phát triển giáo dục, khoa học và công nghệ, y tế, văn hóa, xã hội

2.1. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng dạy nghề đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần tập trung thực hiện có hiệu quả chủ trương đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI. Tiếp tục ưu tiên từ ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở giáo dục, đào tạo. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục. Đẩy mạnh đổi mới phương pháp dạy và học, gắn với lộ trình đổi mới chương trình, sách giáo khoa. Tiếp tục làm tốt công tác hướng nghiệp, phân luồng học sinh gắn với từng bước nâng cao chất lượng đào tạo nghề.

2.2. Nâng cao trình độ khoa học và công nghệ nhằm tăng năng suất lao động, chất lượng, khả năng cạnh tranh của các sản phẩm địa phương. Triển khai mạnh mẽ ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới vào phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trên các lĩnh vực. Tăng nguồn vốn đầu tư cho khoa học và công nghệ. Tập trung phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, xây dựng nền tảng công nghệ số, ứng dụng công nghệ số nhằm xây dựng chính quyền điện tử. Tiếp tục xây dựng và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc sản có

tiềm năng xuất khẩu của tỉnh. Đẩy mạnh đầu tư xây dựng các trung tâm giống chất lượng cao. Có cơ chế, chính sách đầu tư hỗ trợ khuyến khích cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào sản xuất và đời sống.

2.3. Nâng cao chất lượng công tác phòng bệnh và chữa bệnh; củng cố hệ thống y tế dự phòng. Nâng cao chất lượng điều trị thật sự ở các cơ sở, các tuyến y tế, trọng tâm là tuyến tỉnh và tuyến huyện.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp các cơ sở y tế. Tăng cường thu hút nguồn lực xã hội hóa y tế, phát triển y tế tư nhân. Thực hiện tích hợp, liên thông hồ sơ sức khỏe cá nhân điện tử với các phần mềm và cơ sở dữ liệu liên quan đến khám chữa bệnh trong các cơ sở y tế, cơ quan liên quan trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động người dân tham gia bảo hiểm y tế. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế. Tiếp tục phát triển nhân lực y tế các cấp; quan tâm nâng cao y đức của đội ngũ y, bác sỹ và nhân viên y tế. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dân số, chăm sóc trẻ em. Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

2.4. Xây dựng đời sống văn hóa, môi trường văn hóa lành mạnh; xây dựng con người Bắc Giang phát triển toàn diện. Gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa. Phát triển thể thao toàn diện, cả thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần tập trung thực hiện có hiệu quả chủ trương xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 khóa XI. Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Quy hoạch, đầu tư xây dựng một số thiết chế văn hóa, thể thao hiện đại. Tăng cường khuyến khích xã hội hóa để đầu tư các thiết chế văn hóa, thể thao. Đẩy mạnh phát triển phong trào thể thao quần chúng; lựa chọn một số môn thể thao mũi nhọn của tỉnh để phát triển thể thao thành tích cao, bảo đảm có khả năng tham gia thi đấu quốc gia và quốc tế.

2.5. Nâng cao chất lượng thông tin, truyền thông, phát thanh, truyền hình, kịp thời thông tin tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến cán bộ, đảng viên và nhân dân. Củng cố hệ thống truyền thanh cơ sở; phát huy vai trò chủ đạo của truyền thông nhà nước trong định hướng dư luận xã hội.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần tập trung các giải pháp nâng cao chất lượng, đa dạng hóa loại hình hoạt động của lĩnh vực báo chí, phát thanh, truyền hình, thông tin, truyền thông. Khuyến khích các doanh nghiệp bưu chính, doanh nghiệp viễn thông đầu tư và cung ứng dịch vụ chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản; bảo đảm phát triển và hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích, phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

2.6. Thực hiện tốt các chính sách xã hội; đẩy mạnh giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, nâng cao đời sống nhân dân, bảo đảm tiến bộ công bằng xã hội.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần quan tâm thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân các xã đặc biệt khó khăn. Quan tâm các chính sách chăm sóc người cao tuổi, phụ nữ và trẻ em. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo và chương trình, dự án đầu tư cho vùng dân tộc và miền núi. Đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo, gắn với giải quyết việc làm để giảm nghèo bền vững.

3. Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại

3.1. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện, có sức mạnh tổng hợp và trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu cao, không để bị động, bất ngờ và xử lý

kip thời, hiệu quả các tình huống, không để trở thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự, bảo đảm giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân vững chắc. Kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tăng cường các biện pháp nắm tình hình, đấu tranh phòng, chống tội phạm, kiềm chế gia tăng tội phạm, giảm các tệ nạn xã hội. Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hiệu quả, thực chất. Tăng cường các biện pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Làm tốt công tác tiếp công dân. Tập trung giải quyết hiệu quả các vụ việc khiếu nại, tố cáo mới phát sinh và rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng, kéo dài.

3.2. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tổ chức tốt việc thi hành pháp luật ở địa phương; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, công dân.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần quan tâm nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp; xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp có đủ phẩm chất, năng lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ cho các cơ quan tư pháp; tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan tư pháp trong thực hiện nhiệm vụ.

3.3. Đổi mới cách làm nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại của tỉnh, góp phần đẩy mạnh quảng bá tiềm năng, lợi thế, hình ảnh của tỉnh Bắc Giang tới bạn bè trong nước, quốc tế và kiều bào ở nước ngoài, huy động tối đa các nguồn lực phục vụ sự phát triển của tỉnh.

4. Về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

4.1. Tập trung xây dựng Đảng bộ tỉnh thật sự trong sạch, vững mạnh. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác giáo dục tư tưởng chính trị cho cán bộ, đảng viên. Xây dựng đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực, uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Nâng cao chất lượng công tác kiểm tra, giám sát. Đẩy mạnh công tác dân vận của hệ thống chính trị.

Để thực hiện các nhiệm vụ trên, cần tập trung thực hiện tốt các giải pháp sau:

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng. Đẩy mạnh giáo dục lý luận chính trị, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Quan tâm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng của Đảng. Tiếp tục quan tâm tổng kết thực tiễn để đúc rút kinh nghiệm và bổ sung, hoàn thiện các mặt lý luận, các chủ trương, chính sách của tỉnh.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Quan tâm phát triển đảng viên cả về số lượng và chất lượng. Tăng cường quản lý, giáo dục, rèn luyện đảng viên. Thực hiện đánh giá chất lượng tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên bảo đảm khách quan, thực chất. Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ trong tình hình mới.

Chú trọng nâng cao chất lượng các cuộc kiểm tra, giám sát. Tập trung kiểm tra, giám sát những lĩnh vực dễ phát sinh vi phạm. Đẩy mạnh kiểm tra chuyên đề, đột xuất đối với các tổ chức đảng, đảng viên. Tăng cường kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. Xử lý kiên quyết, kịp thời các trường hợp vi phạm

kỷ luật trong Đảng.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, quản lý của Nhà nước đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, “tham nhũng vặt”. Thực hiện nghiêm việc minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận của hệ thống chính trị, nhất là công tác dân vận chính quyền. Thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đẩy mạnh phong trào thi đua “Dân vận khéo” trên các lĩnh vực. Thường xuyên nắm tình hình nhân dân, kịp thời tham mưu giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắc trong nhân dân. Tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với nhân dân.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc, thực chất Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI, XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi các biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ.

Đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của các cấp ủy, tổ chức đảng. Nâng cao năng lực dự báo và chất lượng, hiệu quả ban hành, tổ chức thực hiện nghị quyết. Nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên. Xác định và lựa chọn nhiệm vụ trọng tâm để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo. Kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm trong quá trình lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ.

4.2. Xây dựng chính quyền các cấp trong sạch, vững mạnh; bộ máy hành chính nhà nước trong tinh thật sự tinh gọn, năng động, chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ trình độ, năng lực, tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng tốt yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh trong tình hình mới.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần tập trung nâng cao chất lượng ban hành chính sách, vai trò giám sát của HĐND các cấp. Nâng cao năng lực điều hành, quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử tỉnh Bắc Giang. Tập trung lãnh đạo xây dựng bộ máy cơ quan nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đẩy mạnh cải cách hành chính; xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, phục vụ nhân dân. Tăng cường thanh tra công vụ, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước.

4.3. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội quần chúng; phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, tạo đồng thuận xã hội để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ trên cần tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, sự phối hợp, tạo điều kiện của chính quyền đối với hoạt động của mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội thường xuyên đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, khu dân cư; thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát, phản biện xã hội và tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Phát huy vai trò của mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc tăng cường củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua yêu nước. Quan tâm, tạo điều kiện để các hội quần chúng hoạt động theo đúng quy định pháp luật, tôn chỉ, mục

đích của các hội.

5. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, thi đua, khen thưởng. Quan tâm làm tốt công tác thi đua, khen thưởng, tăng cường vận động các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội tham gia tích cực vào các phong trào thi đua yêu nước, quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của tỉnh; kịp thời phát hiện, biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân lập công xuất sắc.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM MANG TÍNH GIẢI PHÁP ĐỘT PHÁ TRONG NHIỆM KỲ 2020-2025

1. Xây dựng hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở thực sự vững mạnh, mà hạt nhân lãnh đạo là các tổ chức đảng thực sự vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Trong đó, hạt nhân của hạt nhân là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý; người đứng đầu và những cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các cấp ủy đảng, chính quyền, mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội. Thực hiện thường xuyên và đồng bộ, liên thông công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá sàng lọc và bố trí, sắp xếp để đội ngũ cán bộ đảm nhiệm và phát huy phẩm chất, năng lực công tác, mặt khác kiên quyết xử lý nghiêm cán bộ tham nhũng, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống.

2. Củng cố và tăng cường quan hệ máu thịt giữa Đảng, chính quyền với nhân dân. Mọi chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước phải xuất phát từ lợi ích chung của nhân dân. Phải thật sự tin tưởng, phát huy dân chủ, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân thực sự vững chắc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

3. Hòa nhịp cùng cả nước đẩy nhanh xây dựng để hoàn thiện thể chế phát triển theo nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung vào xây dựng môi trường kinh tế, môi trường đầu tư và kinh doanh nhằm khuyến khích phát triển tất cả các thành phần kinh tế dựa trên nguyên tắc bình đẳng và minh bạch. Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, bảo đảm quyền dân chủ, tự do và công bằng trước pháp luật.

4. Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội đồng bộ, ưu tiên hạ tầng giao thông trọng điểm, hạ tầng các khu công nghiệp, hạ tầng thủy lợi trọng yếu, hạ tầng đô thị và du lịch, hạ tầng giáo dục và y tế thiết yếu, hạ tầng công nghệ thông tin - công nghệ số, tạo nền tảng để phát triển kinh tế số và xã hội số.

5. Tạo lập môi trường, điều kiện thuận lợi để thúc đẩy mạnh mẽ quá trình đổi mới sáng tạo, trước hết là tư duy và bản lĩnh đổi mới, bao gồm đổi mới từ chủ trương lãnh đạo, tổ chức và quản lý hệ thống đến ứng dụng và thực hành dựa trên nền tảng chăm lo phát triển ba động lực chủ yếu: Giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ và văn hóa, con người Việt Nam.

*

* *

Phát huy truyền thống văn hiến của quê hương cách mạng - anh hùng, kế thừa những kinh nghiệm quý báu cùng thành quả to lớn của gần 35 năm đổi mới đất nước, với quyết tâm chính trị cao và khát vọng vươn lên mạnh mẽ, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang nguyện tiếp tục đoàn kết, dân chủ, đổi mới sáng tạo, xây dựng quê hương Bắc Giang ngày càng giàu mạnh, văn minh./.

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH